

Thanh Hóa, ngày tháng 03 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 12-13/03/2022

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	1868010009	Nguyễn Thế	Công	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
2	1869010055	Lương Thị	Cúc	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
3	1963020003	Nguyễn Thị Kim	Cúc	KCN	ĐH	2.0	5.0	3.0	3.0	3.5	
4	1968010001	Đỗ Đức	Đạt	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
5	1969000057	Hà Duy	Đạt	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
6	1961010003	Quản Thị	Diễm	KCN	ĐH	5.0	4.5	3.5	7.0	5.0	
7	1969000058	Hà Huyền	Diệu	KCN	ĐH	2.0	4.5	4.0	4.5	4.0	
8	1969000008	Nguyễn Thị Hoàng	Diệu	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
9	196602CLC03	Mai Ngọc	Dịu	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
10	1963020004	Hoàng Khắc	Đức	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
11	1968010002	Lê Long	Đức	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
12	1962030002	Nguyễn Văn	Đức	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
13	1962030009	Phùng Sỹ	Đức	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
14	1969000114	Lê Thị	Dung	KCN	ĐH	5.5	4.5	4.0	6.0	5.0	
15	1969010010	Lê Thị	Dung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
16	1969080004	Trương Thị	Dung	KCN	ĐH	5.0	4.0	3.5	3.5	4.0	
17	1961030024	Mai Tiến	Dũng	KCN	ĐH	2.0	4.0	3.5	7.0	4.0	
18	1963020005	Nguyễn Đình	Dũng	KCN	ĐH	2.0	4.0	2.5	4.0	3.0	
19	1963020006	Vũ Tiến	Dũng	KCN	ĐH	0.0	3.5	3.0	Vắng	1.5	
20	1961010004	Cao Thị Thùy	Dương	KCN	ĐH	1.0	3.5	3.5	3.0	3.0	
21	1962030004	Đỗ Xuân	Dương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	1969000009	Lương Thị Thùy	Dương	KCN	ĐH	2.5	5.0	3.5	5.5	4.0	
23	1961070002	Nguyễn Bá	Dương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
24	1969080005	Ngô Việt	Duy	KCN	ĐH	4.0	4.5	2.0	7.0	4.5	
25	196602CLC04	Bùi Thị	Duyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
26	1966010003	Đàm Hà	Duyên	KCN	ĐH	5.0	6.5	4.0	7.0	5.5	
27	1969010011	Hoàng Thị	Duyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
28	196601CLC17	Nguyễn Thị	Duyên	KCN	ĐH	6.5	6.0	3.0	7.0	5.5	
29	1969000059	Phạm Thị	Duyên	KCN	ĐH	5.0	5.5	4.0	5.5	5.0	
30	196601CLC05	Tô Thị	Duyên	KCN	ĐH	2.0	5.0	3.5	6.0	4.0	
31	1969010012	Trương Thị Kỳ	Duyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
32	1961010005	Hoàng Hương	Giang	KCN	ĐH	5.5	5.0	5.5	5.0	5.5	
33	1969080006	Đinh Văn	Hà	KCN	ĐH	2.0	5.5	3.0	4.0	3.5	
34	1969000010	Hà Thị Thu	Hà	KCN	ĐH	3.0	2.5	3.5	5.0	3.5	
35	1969000060	Nguyễn Việt	Hà	KCN	ĐH	2.5	6.5	6.5	5.5	5.5	
36	1969010013	Trần Thị	Hà	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
37	1769010009	Trương Thị	Hà	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
38	1961030007	Lê Minh	Hải	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
39	1969010014	Lương Đỗ Thị	Hân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
40	1969010015	Đỗ Thị	Hằng	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
41	1969000061	Hà Thị	Hằng	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
42	1969000011	Hạ Thị	Hằng	KCN	ĐH	3.5	6.5	3.5	7.0	5.0	
43	1969010016	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
44	1969000062	Hà Thị	Hạnh	KCN	ĐH	6.5	5.0	4.5	5.0	5.5	
45	196602CLC05	Lê Thị	Hậu	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
46	1969000001	Lê Văn	An	KCN	ĐH	4.5	4.5	3.0	3.5	4.0	
47	1969010002	Nguyễn Diệu	An	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
48	1969010001	Trần Thị	An	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
49	1969010004	Bùi Nhật	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
50	1969010003	Đào Thị Lan	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
51	1961030001	Đỗ Nhật	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
52	1869010099	Đỗ Thị Lan	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
53	196601CLC01	Hoàng Hoài	Anh	KCN	ĐH	3.5	5.5	2.5	4.0	4.0	
54	196101CLC01	Hoàng Kim	Anh	KCN	ĐH	4.0	7.5	5.0	6.5	6.0	
55	196602CLC01	Lê Quỳnh	Anh	KCN	ĐH	4.0	5.0	3.5	3.5	4.0	
56	1961010001	Lê Thị Ngọc	Anh	KCN	ĐH	6.5	4.0	4.0	6.0	5.0	
57	1969000053	Lê Thị Ngọc	Anh	KCN	ĐH	2.0	3.0	4.5	3.0	3.0	
58	1969000002	Lê Thị Phương	Anh	KCN	ĐH	1.0	7.0	3.5	5.0	4.0	
59	1969010007	Lê Thị Phương	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
60	1969080002	Mã Thị Vân	Anh	KCN	ĐH	1.0	5.5	4.0	3.0	3.5	
61	1969000052	Ngân Nguyễn Việt	Anh	KCN	ĐH	5.0	5.0	3.0	4.5	4.5	
62	1969000004	Ngô Thị Vân	Anh	KCN	ĐH	2.0	6.0	5.5	3.0	4.0	
63	1969000003	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KCN	ĐH	2.5	4.5	3.5	0.5	3.0	
64	1969080001	Nguyễn Thị Vân	Anh	KCN	ĐH	2.0	5.0	3.5	2.5	3.5	
65	1961030003	Phạm Việt	Anh	KCN	ĐH	1.0	4.5	3.5	3.0	3.0	
66	1969010006	Phùng Thị Nhật	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
67	1969010005	Trần Thị	Anh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
68	1961030002	Trịnh Ngọc Đức	Anh	KCN	ĐH	5.0	5.0	4.5	6.0	5.0	
69	196601CLC02	Lê Thị Hồng	ánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
70	1966010001	Lưu Thị	ánh	KCN	ĐH	4.0	4.5	5.5	4.5	4.5	
71	1969010008	Mai Thị	ánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
72	1969010009	Ngân Thị Ngọc	ánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
73	196602CLC02	Nguyễn Thị	ánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
74	1969000005	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	KCN	ĐH	2.0	7.5	4.0	3.0	4.0	
75	1969000054	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	KCN	ĐH	6.5	6.0	4.5	5.5	5.5	
76	1969000111	Vi Thị Ngọc	ánh	KCN	ĐH	4.0	4.0	2.0	4.0	3.5	
77	1966010002	Đào Vương	Bắc	KCN	ĐH	2.5	4.5	3.0	6.0	4.0	
78	1963020002	Trần Duy	Bảo	KCN	ĐH	0.0	5.5	3.5	5.5	3.5	
79	1962030001	Lê Ngọc	Bích	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
80	1961030004	Hoàng Thái	Biển	KCN	ĐH	6.5	6.0	5.5	7.0	6.5	
81	196601CLC03	Lê Thị Thanh	Bình	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
82	1961030005	Vũ Thanh	Bình	KCN	ĐH	6.5	6.0	6.0	7.5	6.5	
83	1961010002	Nguyễn Danh	Cánh	KCN	ĐH	5.0	5.5	4.0	5.0	5.0	
84	1969000055	Lê Kim	Chi	KCN	ĐH	2.0	6.0	3.5	6.0	4.5	
85	1969000007	Lương Thị Kim	Chi	KCN	ĐH	2.0	4.5	3.5	5.0	4.0	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
86	1961030006	Nguyễn Thị Mai	Chi	KCN	ĐH	5.5	4.0	2.5	3.0	4.0	
87	1969000006	Phạm Thị Linh	Chi	KCN	ĐH	2.0	5.0	3.5	3.5	3.5	
88	196601CLC04	Hoàng Khắc	Chinh	KCN	ĐH	1.0	7.0	4.0	Vắng	3.0	
89	196101CLC03	Lê Thị	Chung	KCN	ĐH	6.0	4.0	4.0	5.5	5.0	
90	1969000056	Vũ Thị	Chung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
91	1969000063	Lương Thị	Hiền	KCN	ĐH	3.0	4.0	4.0	4.5	4.0	
92	1961010006	Lê Thị	Hiền	KCN	ĐH	3.0	2.5	3.5	4.0	3.5	
93	1966030001	Mai Thị	Hiền	KCN	ĐH	2.5	3.5	3.0	2.5	3.0	
94	1969010017	Nguyễn Thị	Hiền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
95	1961030026	Nguyễn Trọng	Hiếu	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
96	196601CLC06	Hoàng Thị	Hoa	KCN	ĐH	7.0	5.0	4.0	7.0	6.0	
97	1966030002	Lê Thị	Hoa	KCN	ĐH	3.0	4.5	4.0	4.5	4.0	
98	1969000012	Quách Thị	Hoa	KCN	ĐH	1.5	6.0	6.0	4.0	4.5	
99	1869010064	Quách Thị	Hoa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
100	1969080007	Lương Thanh	Hòa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
101	1969020001	Nguyễn Thị	Hòa	KCN	ĐH	4.5	3.5	3.5	3.5	4.0	
102	1869000013	Quách Thị Khánh	Hòa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
103	1969010019	Trần Thị	Hòa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
104	1969010018	Trương Thị	Hòa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
105	1966030003	Lê Thị	Hồng	KCN	ĐH	3.0	4.0	3.5	2.5	3.5	
106	1969000013	Lương Thu	Hồng	KCN	ĐH	2.0	6.5	5.5	3.5	4.5	
107	1969020003	Lê Thị Phương	Huế	KCN	ĐH	0.0	4.0	3.5	0.0	2.0	
108	1969000065	Trương Thị	Huế	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	3.0		
109	1969000066	Tô Thị	Huệ	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
110	1961010007	Nguyễn Văn	Hưng	KCN	ĐH	1.0	Vắng	Vắng	Vắng	0.5	
111	1966030004	Vũ Ngọc Vĩnh	Hưng	KCN	ĐH	2.0	3.0	3.5	3.0	3.0	
112	1969010020	Bùi Thị Lan	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
113	1969000015	Cao Thị Thu	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
114	1963020007	Lê Thị	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
115	1969000067	Len Thị	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
116	1969000014	Lương Thị Lan	Hương	KCN	ĐH	1.5	3.5	3.0	3.5	3.0	
117	1968010004	Nguyễn Lan	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
118	1969010021	Trần Thị Thu	Hương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
119	1969000068	Hà Thị	Hường	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
120	1969080022	Nguyễn Thị Thúy	Hường	KCN	ĐH	7.5	6.5	4.5	8.0	6.5	
121	1961030028	Nguyễn Quang	Huy	KCN	ĐH	6.0	7.5	3.5	6.5	6.0	
122	1966010005	Hà Thị Diệu	Huyền	KCN	ĐH	1.0	6.0	6.5	6.5	5.0	
123	196602CLC23	Hà Thị Mai	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
124	1969000016	Hà Thị Mai	Huyền	KCN	ĐH	8.0	6.0	6.0	9.0	7.5	
125	1969000069	Hoàng Thu	Huyền	KCN	ĐH	7.0	5.5	4.0	6.0	5.5	
126	196602CLC08	Lang Thị Ngọc	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
127	1969010023	Lê Thị Thanh	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
128	1969000017	Lê Thu	Huyền	KCN	ĐH	3.0	6.5	3.0	6.5	5.0	
129	196601CLC07	Nguyễn Thị	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
130	1966010004	Nguyễn Thị	Huyền	KCN	ĐH	1.0	6.0	6.0	4.0	4.5	
131	1969020005	Quách Thị Khánh	Huyền	KCN	ĐH	1.0	2.5	3.5	6.5	3.5	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
132	1969010022	Trương Thị Khánh	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
133	196602CLC09	Vi Thị	Huyền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
134	1861070007	Mai Huy	Khang	KCN	ĐH	7.0	6.0	5.5	4.0	5.5	
135	1962030005	Hoàng Quốc	Khánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
136	1961030008	Lê Văn	Khánh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
137	1966030016	Phan Văn	Khánh	KCN	ĐH	0.0	4.0	3.0	7.0	3.5	
138	1969000070	Hà Thị	Khiển	KCN	ĐH	3.0	6.0	6.0	7.5	5.5	
139	1969000018	Thao Thị	Khua	KCN	ĐH	1.5	4.5	4.0	2.0	3.0	
140	1969010024	Phạm Thúy	Kiều	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
141	1969000071	Nguyễn Thị Hương	Lài	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
142	1961030031	Nguyễn Thành	Lâm	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
143	1969000019	Bùi Ngọc	Lan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
144	1969000020	Đỗ Hoàng	Lan	KCN	ĐH	1.5	6.0	6.0	8.5	5.5	
145	1969000072	Nguyễn Thị	Lan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
146	196601CLC08	Trần Thị	Lan	KCN	ĐH	6.0	4.0	4.0	7.0	5.5	
147	1969000073	Phạm Thị Ngọc	Lê	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
148	1969010025	Vi Thị Huyền	Lê	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
149	1969010026	Nguyễn Thị	Lê	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
150	1861030012	Tô Đức	Liêm	KCN	ĐH	4.5	5.0	3.0	8.0	5.0	
151	196101CLC04	Đặng Thị Hồng	Liên	KCN	ĐH	7.0	7.0	5.0	6.5	6.5	
152	1969000076	Bùi Thị Cẩm	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
153	196602CLC10	Cao Thị	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
154	1969010027	Chu Yến	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
155	1969010030	Đặng Mỹ	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
156	1961030009	Đặng Thị Thùy	Linh	KCN	ĐH	5.5	6.5	6.0	6.0	6.0	
157	1969000075	Hà Dạ	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
158	1963020008	Lê Đức	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
159	196601CLC09	Lê Khánh	Linh	KCN	ĐH	7.0	6.0	3.5	5.0	5.5	
160	1969000078	Lê Phương	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
161	1969000077	Lê Thị	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
162	1969010032	Lê Thị	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
163	196601CLC10	Lê Thị Mai	Linh	KCN	ĐH	5.0	3.5	3.0	5.0	4.0	
164	1966030005	Lê Thị Thùy	Linh	KCN	ĐH	4.5	5.5	2.0	2.0	3.5	
165	1968010007	Lê Thị Thùy	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
166	1969000023	Lưu Thị Khánh	Linh	KCN	ĐH	0.5	6.0	7.0	3.0	4.0	
167	1969000022	Ngân Khánh	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
168	1969000021	Nguyễn Diệu	Linh	KCN	ĐH	3.5	6.5	5.5	4.0	5.0	
169	1969010031	Nguyễn Khánh	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
170	1969010029	Nguyễn Thị ánh	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
171	1969000074	Nguyễn Thị Huệ	Linh	KCN	ĐH	0.5	5.0	4.0	1.5	3.0	
172	1969000112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KCN	ĐH	8.0	8.0	5.0	7.0	7.0	
173	1961030032	Phạm Văn	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
174	196101CLC05	Thiều Khánh	Linh	KCN	ĐH	7.0	7.5	6.5	8.0	7.5	
175	1969010028	Trần Hoài	Linh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
176	1969080009	Trần Thị	Linh	KCN	ĐH	3.5	3.0	4.5	3.0	3.5	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Độc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
177	1961010008	Trần Thùy	Linh	KCN	ĐH	4.0	5.5	5.0	3.0	4.5	
178	196602CLC11	Lê Thị	Loan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
179	1969010033	Lê Thị	Loan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
180	1966010006	Nguyễn Thị	Loan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
181	1969000079	Hà Thị	Lợi	KCN	ĐH	2.5	5.0	4.0	2.5	3.5	
182	1961030010	Bùi Sỹ	Luân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
183	1969010034	Đặng Thị Hiền	Lương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
184	1969010035	Lang Thị	Lượng	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
185	1969020008	Lê Thị	Mai	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
186	1969010036	Ngô Thị Ngọc	Mai	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
187	1969000024	Phạm Thị	Mai	KCN	ĐH	7.0	6.5	4.0	6.0	6.0	
188	1966030007	Đỗ Mạnh	Minh	KCN	ĐH	6.0	5.0	3.5	6.5	5.5	
189	1969000025	Lê Ngọc	Minh	KCN	ĐH	3.0	4.0	4.0	2.5	3.5	
190	1961030052	Maivon	Mouayangco hue	KCN	ĐH	7.5	6.0	5.0	8.0	6.5	
191	1969010037	Nguyễn Thị	My	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
192	1969000080	Nguyễn Thị Trà	My	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
193	1966030008	Bùi Thị	Na	KCN	ĐH	1.0	4.5	2.0	Vắng	2.0	
194	1961030035	Nguyễn Huy	Nam	KCN	ĐH	5.0	4.5	5.0	2.5	4.5	
195	1969000027	Lê Thị	Nga	KCN	ĐH	5.0	3.0	3.5	3.0	3.5	
196	1969010040	Lê Thị	Nga	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
197	1969010038	Lê Thị Phương	Nga	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
198	1969000082	Lê Thị Thu	Nga	KCN	ĐH	1.0	4.0	4.0	2.5	3.0	
199	1969010039	Phạm Thị	Nga	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
200	1969000081	Trịnh Thị	Nga	KCN	ĐH	1.0	6.0	6.5	2.5	4.0	
201	1969000026	Vi Thị	Nga	KCN	ĐH	1.5	6.5	6.0	2.5	4.0	
202	1969000028	Bùi Thu	Ngân	KCN	ĐH	3.0	4.5	3.5	2.5	3.5	
203	1969000083	Lê Kim	Ngân	KCN	ĐH	1.5	5.5	3.5	2.5	3.5	
204	1969010041	Lương Thị	Ngân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
205	1961010009	Lường Thị Tuyết	Ngân	KCN	ĐH	5.0	4.5	4.0	3.5	4.5	
206	1569000030	Phạm Thị	Nghĩa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
207	1969010042	Nguyễn Thị	Ngọc	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
208	1969010069	Thiều Thị	Ngọc	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
209	1969000084	Trương Thị	Ngọc	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
210	1968010010	Đào Sỹ	Nguyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
211	1969010043	Lê Thị	Nguyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
212	1963020009	Phan Cao	Nguyên	KCN	ĐH	5.0	5.5	5.5	7.0	6.0	
213	1969010044	Hà Thị	Nguyệt	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
214	1969000085	Lục Thị	Nguyệt	KCN	ĐH	1.5	3.5	3.5	Vắng	2.0	
215	1969000086	Trần Thị	Nhâm	KCN	ĐH	2.5	4.0	4.0	4.5	4.0	
216	1966010007	Ninh Thanh	Nhàn	KCN	ĐH	4.0	6.0	4.0	4.5	4.5	
217	1969000029	Cao Yến	Nhi	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
218	1961030036	Hoàng Thị	Như	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
219	196602CLC12	Hà Thị	Nhung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
220	196602CLC13	Lê Thị	Nhung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
221	1969010045	Mai Thị	Nhung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
222	1969000030	Nguyễn Thị	Nhung	KCN	ĐH	3.0	6.5	6.0	3.0	4.5	
223	1969010046	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
224	196101CLC06	Đặng Văn	Phong	KCN	ĐH	7.5	7.0	4.0	6.5	6.5	
225	1962030007	Nguyễn Thành	Phú	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
226	1969000088	Hà Thu	Phuong	KCN	ĐH	1.0	5.0	2.5	2.0	2.5	
227	196602CLC14	Lê Hoài	Phuong	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
228	1969000031	Phạm Mai	Phuong	KCN	ĐH	1.0	4.0	2.5	Vắng	2.0	
229	1969000089	Phạm Thị	Phuong	KCN	ĐH	1.0	4.0	4.5	Vắng	2.5	
230	1969000032	Đinh Thị	Phượng	KCN	ĐH	1.0	6.5	6.5	1.0	4.0	
231	1968010011	Phạm Thị	Phượng	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
232	1963020010	Đỗ Minh	Quân	KCN	ĐH	2.0	3.0	2.0	Vắng	2.0	
233	1962030008	Nguyễn Ngọc	Quân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
234	1961030038	Phạm Anh	Quân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
235	1968010013	Nguyễn Nhân	Quang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
236	196601CLC12	Hoàng Thị	Quý	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
237	196602CLC15	Vũ Đình	Quý	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
238	1969000033	Hà Thị	Quyên	KCN	ĐH	2.0	4.5	2.0	4.0	3.0	
239	1961030011	Vũ Thị Hồng	Quyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
240	1961030013	Lê Huy	Quyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
241	1966010008	Lê Thị	Quyên	KCN	ĐH	1.0	5.0	4.5	3.5	3.5	
242	196601CLC13	Đặng Ngọc	Quỳnh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
243	1969010048	Nguyễn Như	Quỳnh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
244	1969010047	Phạm Thị Lệ	Quỳnh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
245	1969000034	Phạm Thị Như	Quỳnh	KCN	ĐH	3.0	5.0	2.5	3.0	3.5	
246	1969000090	Phan Như	Quỳnh	KCN	ĐH	1.5	4.0	3.5	3.5	3.0	
247	196602CLC16	Nguyễn Thị	Sâm	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
248	196602CLC17	Hồ Sỹ	Son	KCN	ĐH	7.5	5.5	3.5	7.0	6.0	
249	1969020010	Lê Văn	Son	KCN	ĐH	1.0	2.5	3.5	Vắng	2.0	
250	1962030010	Nguyễn Duy	Son	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
251	1963020011	Nguyễn Thái	Son	KCN	ĐH	6.5	4.5	3.0	3.5	4.5	
252	196601CLC14	Phạm Ngọc Thái	Son	KCN	ĐH	7.0	5.0	4.0	8.0	6.0	
253	1968010014	Trịnh Công	Son	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
254	1966030009	Phạm Thị	Tâm	KCN	ĐH	5.0	4.5	3.0	3.5	4.0	
255	1966030010	Trương Thị Thanh	Tâm	KCN	ĐH	5.0	4.5	1.5	4.0	4.0	
256	1966030011	Cù Thị	Thanh	KCN	ĐH	2.0	4.5	2.5	3.5	3.0	
257	1969000036	Đào Thị	Thanh	KCN	ĐH	1.0	3.5	3.5	4.0	3.0	
258	1969010049	Hà Thị	Thanh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
259	1969000035	Nguyễn Thị	Thanh	KCN	ĐH	1.0	6.0	6.0	3.5	4.0	
260	1969000037	Lương Xuân	Thành	KCN	ĐH	1.0	6.0	6.0	4.0	4.5	
261	1869010134	Đoàn Thị Phương	Thảo	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
262	1869010084	Hà Thị	Thảo	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
263	196602CLC18	Lê Thị Phương	Thảo	KCN	ĐH	5.0	4.5	3.0	7.0	5.0	
264	1969000038	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KCN	ĐH	3.0	4.5	4.5	5.0	4.5	
265	1969010050	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
266	1961030041	Nguyễn Văn	Thiện	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
267	1969000091	Phạm Văn	Thọ	KCN	ĐH	0.5	4.5	3.0	Vắng	2.0	
268	1969010051	Hà Thị	Thoa	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
269	1966030012	Ngô Trí	Thông	KCN	ĐH	3.0	5.0	3.0	4.0	4.0	
270	1961010010	Cao Lê Lệ	Thu	KCN	ĐH	6.5	5.5	3.5	5.0	5.0	
271	1969000039	Lã Thị Xuân	Thu	KCN	ĐH	4.0	6.0	4.0	6.0	5.0	
272	196101CLC07	Lê Thị	Thu	KCN	ĐH	5.0	6.0	4.0	5.0	5.0	
273	1969000092	Lê Thị Thanh	Thu	KCN	ĐH	3.0	5.0	5.0	4.0	4.5	
274	1969010052	Trương Hoài	Thu	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
275	1969000093	Nguyễn Diệu	Thuần	KCN	ĐH	7.0	6.5	5.5	7.0	6.5	
276	1969000094	Lê Thị Mỹ	Thuận	KCN	ĐH	6.5	8.0	5.5	4.5	6.0	
277	1966030013	Cao Trung	Thực	KCN	ĐH	1.0	5.5	3.5	2.0	3.0	
278	1969010053	Vũ Thị	Thương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
279	196602CLC19	Bùi Thị	Thúy	KCN	ĐH	6.5	5.0	3.5	6.5	5.5	
280	1966010009	Lê Thị	Thúy	KCN	ĐH	4.0	7.0	3.0	6.0	5.0	
281	1969000097	Trương Thanh	Thúy	KCN	ĐH	4.0	5.5	5.0	5.0	5.0	
282	1961010011	Lê Thị Anh	Thùy	KCN	ĐH	4.0	6.5	3.5	3.5	4.5	
283	1961030014	Nguyễn Thị	Thùy	KCN	ĐH	4.5	6.5	2.0	4.0	4.5	
284	1969000099	Nguyễn Thị	Thùy	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
285	1969000098	Quách Thanh	Thùy	KCN	ĐH	0.0	2.0	2.0	2.5	1.5	
286	196602CLC20	Lê Thị	Thùy	KCN	ĐH	4.5	6.5	3.0	3.5	4.5	
287	1969010054	Lê Thị	Thùy	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
288	186602CLC08	Nguyễn Thị	Thùy	KCN	ĐH	5.0	4.0	4.5	6.0	5.0	
289	1969000100	Phạm Thị	Thùy	KCN	ĐH	3.5	4.0	5.0	2.0	3.5	
290	1969080017	Nguyễn Văn	Tiến	KCN	ĐH	2.5	4.5	4.0	5.0	4.0	
291	1966010010	Lường Thị	Tình	KCN	ĐH	3.5	4.5	2.0	5.0	4.0	
292	1969000041	Phạm Công	Tình	KCN	ĐH	2.5	6.0	5.5	2.5	4.0	
293	1963020018	Sengvilayphet	Toy	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
294	1969000043	Bàn Thùy	Trang	KCN	ĐH	2.0	6.0	5.5	3.0	4.0	
295	1969000045	Hà Thị	Trang	KCN	ĐH	1.0	2.5	3.5	3.0	2.5	
296	1969010060	Hà Thị Kiều	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
297	1969000108	Lương Huyền	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
298	1968010016	Lê Thị Vân	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
299	1969000044	Mai Bảo	Trang	KCN	ĐH	7.0	9.0	6.0	2.5	6.0	
300	1969000042	Mai Thùy	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
301	1969010056	Mai Thùy	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
302	196601CLC15	Nguyễn Kiều	Trang	KCN	ĐH	5.5	9.0	6.5	6.5	7.0	
303	1969000109	Nguyễn Quỳnh	Trang	KCN	ĐH	0.0	5.5	3.5	2.0	3.0	
304	1969000102	Nguyễn Thu	Trang	KCN	ĐH	5.5	6.0	5.0	4.5	5.5	
305	1969000101	Quách Thị Huyền	Trang	KCN	ĐH	3.0	3.5	5.5	3.0	4.0	
306	1969010059	Trần Thị	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
307	1963020012	Trần Thị Huyền	Trang	KCN	ĐH	5.0	3.5	3.5	3.0	4.0	
308	1966030014	Trịnh Thị	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
309	1969010057	Trịnh Thu	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
310	1969000046	Bùi Thị Kiều	Trinh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
311	1969000103	Hà Thị Kiều	Trinh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
312	1961030017	Đỗ Lam	Trường	KCN	ĐH	3.5	5.0	3.5	3.0	4.0	
313	1969080019	Lê Anh Nhật	Trường	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
314	1962030012	Đỗ Anh	Tú	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
315	196602CLC21	Lê Ngọc	Tú	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
316	1861030024	Lê Công Đức	Anh	KCN	ĐH	3.0	4.0	3.5	3.0	3.5	
317	1864010014	Nguyễn Thị	Hiền	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
318	1864010016	Nguyễn Ngọc	Huy	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
319	1767010059	Nguyễn Thị	Nhài	CN	ĐH	7.5	9.5	8.0	9.0	8.5	
320	1868010025	Lê Thị Tuyết	Nhung	KCN	ĐH	2.0	6.0	6.0	3.0	4.5	
321	1961030042	Lê Văn	Tú	KCN	ĐH	3.0	5.5	2.5	3.0	3.5	
322	1969000047	Nguyễn Cẩm	Tú	KCN	ĐH	6.0	5.5	3.0	4.5	5.0	
323	1963020013	Nguyễn Đức	Tú	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
324	1969000104	Nguyễn Thanh	Tú	KCN	ĐH	7.0	4.5	4.5	4.5	5.0	
325	1963020015	Lê Anh	Tuấn	KCN	ĐH	5.0	5.0	3.0	2.0	4.0	
326	1961070006	Nguyễn Ngọc	Tuấn	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
327	1961030043	Nguyễn Trọng	Tùng	KCN	ĐH	3.0	6.0	4.0	4.5	4.5	
328	1961030044	Phạm Minh	Tùng	KCN	ĐH	5.5	6.0	4.5	6.0	5.5	
329	1969010062	Ngô Thị	Tươi	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
330	1961010012	Phạm Thị Vân	Tường	KCN	ĐH	6.0	6.0	4.0	6.0	5.5	
331	1969080020	Vi Đức	Tường	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
332	1961010013	Lê Kim	Tuyến	KCN	ĐH	6.0	5.5	4.5	7.5	6.0	
333	1969000048	Bùi Thị	Tuyết	KCN	ĐH	3.5	6.0	4.0	3.5	4.5	
334	1969010063	Lê Thị	Tuyết	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
335	1969010064	Lò Tố	Uyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
336	1969000049	Lương Thị Thu	Uyên	KCN	ĐH	1.5	6.5	2.0	3.0	3.5	
337	1969000105	Nguyễn Kỳ	Uyên	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
338	1969000050	Phạm Ngô Thục	Uyên	KCN	ĐH	4.5	3.0	3.5	3.0	3.5	
339	1961010014	Lê Thị Hải	Vân	KCN	ĐH	6.5	7.5	3.0	7.0	6.0	
340	1969000110	Mai Thị	Vân	KCN	ĐH	5.5	4.0	4.0	4.0	4.5	
341	1969010065	Mai Thị	Vân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
342	1969010066	Trần Thị	Vân	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
343	196602CLC22	Phạm Tuấn	Vinh	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
344	1961030045	Nguyễn Long	Vũ	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
345	1969020014	Nguyễn Văn	Vương	KCN	ĐH	2.0	6.0	2.0	3.0	3.5	
346	1969000106	Nguyễn Thị	Xinh	KCN	ĐH	3.0	4.0	4.5	6.0	4.5	
347	1969010067	Lò Thị	Xoan	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
348	1969000051	Hà Hải	Yến	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
349	1961030018	Phạm Thị Hải	Yến	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
350	1969010068	Trương Thị Hồng	Yến	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
351	1964010126	Lê Thị	Phương	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
352	1868010026	Trịnh Anh	Quân	KCN	ĐH	4.0	5.0	3.0	4.0	4.0	
353	1869000026	Nguyễn Tài	Quang	KCN	ĐH	1.0	6.0	5.5	3.0	4.0	
354	1868010035	Hà Thị	Thủy	KCN	ĐH	3.5	4.5	3.0	4.0	4.0	
355	1869010094	Lê Thị Huyền	Trang	KCN	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
356	1767010041	Lê Mai	Uyên	CN	ĐH	7.0	8.5	4.5	7.0	7.0	
357	1466070058	Lê Thị	Lan	KCN	ĐH	6.5	5.5	3.0	6.0	5.5	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
358	196C740007	Bùi Linh	Chi	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
359	196C700003	Đinh Thị Hoàng	Lan	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
360	176C700021	Lê Thị	Linh	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
361	196C700004	Trần Khánh	Linh	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
362	196C740019	Phạm Thị Quỳnh	Mai	KCN	CĐ	6.5	8.5	8.5	7.0	7.5	
363	196C740017	Nguyễn Thị Hằng	Mai	KCN	CĐ	8.0	6.5	5.5	6.5	6.5	
364	196C700005	Nguyễn Thị	Ngân	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
365	186C740016	Lò Thị	Ngọc	KCN	CĐ	4.5	6.5	7.0	5.5	6.0	
366	196C700006	Đào Thị Hồng	Ngọc	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
367	196C700007	Lê Thị Hồng	Nhung	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
368	196C740025	Nguyễn Anh	Phượng	KCN	CĐ	6.5	8.5	8.5	7.5	8.0	
369	196C700009	Nguyễn Thị Phú	Quý	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
370	186C740028	Vũ Thị	Sen	KCN	CĐ	8.5	8.5	9.5	6.0	8.0	
371	196C700012	Nguyễn Phương	Thùy	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
372	196C700015	Phạm Thị	Trà	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
373	196C700016	Trương Thị	Trang	KCN	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

Ghi chú: KC: Đối tượng không chuyên ngữ; CN: đối tượng chuyên ngữ; ĐH: Đại học; CĐ: cao đẳng

KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN



Lê Hoàng Bá Huyền

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Lê Đình Nghiệp